

BÓN HƯỚNG ĐỘT PHÁ CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ NÔNG DÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PGS.TS Nguyễn Chí Mỹ

TS. Hoàng Xuân Nghĩa

Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội

Không thể phủ nhận những thành tựu mà nền nông nghiệp Việt Nam đã đạt được trong thời kỳ đổi mới: từ chỗ thiếu đói và khủng hoảng lương thực trong thập kỷ cuối 70 đầu 80 chúng ta vươn lên đủ ăn và trở thành nước đứng thứ nhì thế giới về xuất khẩu gạo, đứng vào một trong những nước hàng đầu thế giới về xuất khẩu các nông phẩm nhiệt đới như cà phê, cao su, hạt tiêu, điều và gần đây xuất khẩu thủy sản cũng chiếm vị trí cao. Có được kết quả này là nhờ chính sách trao quyền tự chủ kinh doanh (bắt đầu từ Khoán 10) đã cho phép nông dân tiếp cận với đất đai và các tài nguyên khác như rừng, biển, mặt nước – những yếu tố cơ bản của sản xuất nông nghiệp. Cùng với nó, chính sách tự do hoá thương mại và đầu tư, đặc biệt đầu tư mạnh về thủy lợi đã tạo cú hích ban đầu cho nền nông nghiệp hàng hoá.

Nhưng về cơ bản, sản xuất nông nghiệp nước ta phát triển thiếu bền vững, manh mún & tự phát, kém sức cạnh tranh và chưa đủ tầm đáp ứng yêu cầu hội nhập KTQT. Tuy nông nghiệp là ngành lớn, chiếm trên 73% dân số và 20% GDP cả nước, hàng năm tạo ra 39-40 triệu tấn lương thực, trong đó có 35 triệu tấn thóc và xuất khẩu 3,5-4 triệu tấn gạo; nhưng nông dân vẫn là người chịu thiệt thòi và thụ hưởng ít nhất trong thành quả của phát triển, khoảng cách chênh lệch giữa nông thôn và thành thị đang tăng lên; các vấn đề xã hội, môi trường nông thôn trở nên bức xúc hơn bao giờ hết. Nhất là trong bối cảnh Việt Nam đã gia nhập WTO, cùng với các cơ hội thì nông nghiệp, lĩnh vực nhạy cảm và yếu thế, đang phải đối mặt với những thách thức cạnh tranh toàn cầu gay gắt.

Thực tế cũng cho thấy, chính sách đổi mới trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là chưa đủ “độ” hoặc không còn phù hợp với giai đoạn mới. Động lực lợi ích cá nhân mà khoán hộ tạo ra đã không đủ để thay thế cho sức mạnh KHCN cũng như vai trò tổ chức, phối hợp các yếu tố sản xuất cũng như hoạt động kinh doanh - tiếp thị trong môi trường cạnh tranh chủ yếu dựa trên chất lượng, hiệu quả và thân thiện với môi trường. Yêu cầu bức thiết hiện nay là nhanh chóng chuyển từ nền nông nghiệp trình độ thấp sang trình độ cao (đồng nghĩa với bước chuyển Việt Nam từ nước chậm phát triển lên nước công nghiệp hoá theo định hướng thị trường, từ nước thu nhập thấp lên nước có mức thu nhập trung bình và

cao). Điều đó đòi hỏi *phải có bước đột phá về chính sách để giải quyết các mâu thuẫn và rào cản phát triển, đưa nền nông nghiệp truyền thống chuyển sang quỹ đạo hàng hoá và thị trường hiện đại; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp & nông thôn, tạo ra nền nông nghiệp có giá trị cao dựa trên việc ứng dụng phổ biến các thành tựu KH-CN và phát triển bền vững.*

Chúng ta cũng cần quán triệt bài học rút ra từ kinh nghiệm 20 năm đổi mới: a) Những tìm tòi và đột phá về chính sách ở nước ta trên thực tế phần lớn đều khởi phát từ nông nghiệp; b) Muốn thoát nghèo đi lên không thể không bắt đầu từ nông nghiệp, nông thôn; c) Người nông dân - chủ thể của nông nghiệp, cần được bảo vệ và thụ hưởng lợi ích từ sự phát triển chứ không phải chỉ là đối tượng để ban phát từ thiện. Với quan điểm tiếp cận như vậy, bài viết sẽ đề cập một số hướng đột phá chính sách nông nghiệp, nông thôn, nông dân ở nước ta trong giai đoạn hiện nay (hay còn gọi chính sách tam nông).

1. Đột phá trong khâu quy hoạch, quản lý và sử dụng, tích tụ đất đai nông nghiệp

Trước hết, đất đai là TLSX cơ bản và không thể thay thế của nông nghiệp cũng như các hoạt động kinh doanh nói chung; khoán 10 trước đây đã đột phá vào khâu trọng yếu - giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định cho nông dân (trong thời hạn 20 – 30 hoặc 50 năm). Nhưng có thể thấy, “quyền sử dụng” những thửa ruộng nhỏ bé, manh mún này của người nông dân là quyền chưa đầy đủ, hơn nữa đang trở nên mong manh, yếu ớt trước cơn bão thị trường và hội nhập. Trong khi đó, công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng đất đai nông nghiệp đang nổi cộm như một vấn đề bức xúc và nan giải. Nhiều nhà khoa học, nhà quản lý đã có ý kiến, thậm chí các đại biểu Quốc hội nhiều lần phát biểu trên diễn đàn như một chủ đề nóng; người dân vùng đô thị hoá, mất đất canh tác lại càng trăn trở băn khoăn, không ít địa phương nảy sinh các khiếu kiện về đất đai và là ngòi nổ gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Điều này chưa từng diễn ra trong cơ chế kế hoạch hoá trước đây, khi đất đai thuộc về Nhà nước, không phải là hàng hoá. Một nghịch lý là: CNH, đô thị hoá càng diễn ra mạnh mẽ thì đất đai nông nghiệp càng bị thu hẹp, vấn đề người dân mất đất, không có công ăn việc làm trở nên nghèo khó càng phổ biến. Theo số liệu chính thức thì chỉ trong 5 năm (2001-2005) cả nước đã thu hồi tổng diện tích đất nông nghiệp 366,44 ngàn ha (chiếm 3,89% đất nông nghiệp đang sử dụng). Trong đó, diện tích đất đã thu hồi cho xây dựng KCN là 39,56 ngàn ha, xây dựng đô thị là 70,32 ngàn ha và xây dựng hạ tầng là 136,17 ngàn ha. Những địa phương có đất thu hồi nhiều nhất là: Tiền Giang 20.308 ha, Đồng Nai 19.752 ha, Bình Dương 16.627 ha, Quảng Nam 11.812 ha, Cà Mau 13.242 ha, Hà Nội 7.776 ha, Hà Tĩnh 6.391 ha, Vĩnh Phúc 5.573 ha. Đất đồng bằng Sông Hồng bị thu hồi nhiều nhất chiếm 4,4% diện tích, Đông Nam Bộ là 2,1%, các vùng khác dưới 0,5%¹.

Tuy tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp tại các tỉnh không cao, nhưng lại tập trung vào một số địa phương có mật độ dân số đông, có xã mất tới 80% đất canh tác. Đáng nói là đa số diện tích bị quy hoạch đều thuộc đất ven lộ, đất màu mỡ, đất trồng lúa 2 vụ – như vẫn nói:

¹ Điều tra 16 tỉnh của Bộ NN&PTNT.

“bờ xôi ruộng mật, thượng đẳng điền”. Trong thời kỳ 2000-2005, tổng diện tích trồng lúa cả nước đã giảm từ 4,47 xuống 4,13 triệu ha, bình quân mỗi năm giảm 50.000 ha. Có diện tích thu hồi xong để hoang hoá nhiều năm (quy hoạch treo), có diện tích dùng cho sân golf (tới cả mấy chục ngàn ha), có diện tích dành làm công nghiệp hay khu vui chơi giải trí... Nhìn chung, gọi là “bê tông hoá” đất nông nghiệp vĩnh viễn. Đó thực sự là việc làm thiếu tính toán và tầm nhìn quy hoạch dài hạn, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh chính trị - xã hội.

Mặt khác, phải thấy rằng khoán 10 đem chia nhỏ ruộng đất giao cho hộ gia đình là bước thụt lùi trở về kinh tế tiểu nông (nếu so với kinh tế hàng hoá). Hiện cả nước có trên 10 triệu hộ nông dân với khoảng 70 triệu thửa ruộng, tính bình quân mỗi hộ có từ 3-8 thửa*. Với quy mô sản xuất nhỏ bé, manh mún như vậy thì người nông dân chỉ có thể đảm bảo đủ ăn và thực hiện TSX giản đơn; khả năng ứng dụng KHCN, thâm canh và tăng năng suất cây trồng, vật nuôi theo hướng kinh tế hàng hoá là rất hạn hẹp. Hơn nữa, việc người dân nuôi trồng cây gì, con gì thì vẫn theo thói quen và mang tính tự phát. Ví dụ, thấy cà phê, mía đường, cá basa, tôm sú... được giá thì người dân đổ xô đi phá rừng trồng cà phê, trồng mía, nạo vét ao đầm nuôi cá, tôm. Nhưng qua một vài vụ khi thị trường thay đổi, bị rớt giá và ép giá, người dân lại tự phá bỏ để quay về lối canh tác cũ. Đây là tình trạng chuyển dịch cơ cấu vòng tròn, thiếu quy hoạch và thiếu tính bền vững, gây hủy hoại môi trường và lãng phí các nguồn lực.

Mặc dù nước ta là cường quốc xuất khẩu gạo, nhưng cũng còn nhiều vấn đề cần bàn: ngoài việc phải đảm bảo cung ứng gạo về mặt chất lượng, chiếm lĩnh thị trường vững chắc thì việc duy trì đủ số lượng gạo xuất khẩu & quy mô diện tích trồng lúa ổn định cũng đang đặt ra. Bài toán an ninh lương thực bị đe dọa bởi các lý do: đất trồng lúa bị thu hẹp rất nhanh như đã nói; dân số nước ta còn tăng lên (dự báo 100 triệu người vào năm 2020) đồng thời với nhu cầu tăng về các loại ngũ cốc (thậm chí ta đang phải nhập nguyên liệu làm thức ăn gia súc); cuối cùng, chính người nông dân không còn thiết tha với ruộng đồng và sản xuất lúa gạo vì lợi nhuận quá thấp, trong khi thu nhập từ thành thị và các ngành nghề khác lại hấp dẫn hơn. Hiện tượng nông dân ĐBSCL gửi thư cho Thủ tướng và nông dân Thái Bình bỏ hoang hoá ruộng đất, trả lại ruộng đất đang trở nên phổ biến. Nếu để nông dân tự phát di cư ra thành thị và thiếu biện pháp quản lý để thúc đẩy tích tụ ruộng đất, tăng quy mô sản xuất cho những hộ nông dân ở lại sẽ dẫn tới tình trạng nông thôn bị nữ hoá, lao động nông nghiệp trở nên khan hiếm và giá nhân công đất đỏ, chăn nuôi và nghề phụ giảm sút, nông nghiệp chuyển từ thâm canh sang quảng canh, suy giảm đa dạng nông nghiệp².

Theo dự báo của Bộ NN&PTNT, mỗi năm nước ta có thể trồng được 7,2 triệu ha diện tích lúa, tổng sản lượng lúa năm 2010 sẽ là 37,75 triệu tấn, năm 2015 là 38,75 triệu tấn

* Diện tích đất canh tác tính bình quân của nước ta thấp nhất thế giới 0,12 ha/người, thấp hơn Thái Lan 0,3 ha/người và chỉ cao hơn Hàn Quốc, Bangladesh, Ai Cập.

² Điều tra 8 xã ĐB sông Hồng, Đông nam Bộ, ĐBSCL năm 2006 cho thấy, hầu hết các địa phương không còn lao động dưới 40 tuổi; riêng tỉnh Thái Bình có 45% lao động đã rời khỏi nông nghiệp, 200.000 người đi làm ăn xa, chỉ còn lại phụ nữ và người già. Theo số liệu Hội thảo “Người dân nông thôn trong quá trình CNH” mới đây, hàng năm chúng ta mất 70.000 ha thuộc vùng trồng lúa được xây dựng hạ tầng thủy lợi tốt để làm công nghiệp, kéo theo 7000 tỷ đồng đầu tư thủy lợi bị lãng phí. Tỉnh Bắc Ninh sau khi thu hồi ruộng đất, chỉ có 5-6% người tìm được việc làm; còn lại 94% người thất nghiệp (Báo Giáo dục & Thời đại số 86 ngày 17/07/2008: Để người nông dân không chối bỏ thôn quê).

và năm 2020 là 39,63 triệu tấn. Trong đó, lượng tiêu thụ nội địa tăng từ 27,6 triệu tấn (2007) lên 33,2 triệu tấn (2020); đồng thời sản lượng lúa giành cho xuất khẩu cũng dao động từ 6,34 – 8,3 triệu tấn (tương đương 3,8 – 4,5 triệu tấn gạo). Mặc dù năng suất lúa tăng bình quân 2,06% trong giai đoạn 1997-2006, tương đương 770.000 tấn/năm, nhưng từ 2003-2007 tổng sản lượng lúa chỉ dao động ở mức 36 triệu tấn do suy giảm diện tích; sản lượng gạo xuất khẩu cũng có xu hướng giảm qua các năm trở lại đây: 2005 XK 5,2 triệu tấn, 2006 XK 4,65 triệu tấn, 2007 XK xấp xỉ 4,5 triệu tấn và năm 2008 dự kiến cũng chỉ XK 4,5 triệu tấn. Như vậy, hình thành mức trần về sản lượng nếu không có đột phá về năng suất nhờ giống mới và thâm canh. Từ đây, Bộ NN&PTNT đã đề xuất các giải pháp, có tăng cường quản lý đất đai, kiên quyết giữ cho được 3,9 triệu ha đất trồng lúa loại tốt. Tuy nhiên, để đảm bảo ưu thế cạnh tranh trong xuất khẩu gạo cần giải quyết tiếp 2 khâu then chốt: chất lượng và năng suất trồng lúa. Cả 2 khâu này đều liên quan tới giới hạn và quy mô hộ nông dân trồng lúa. Có thể nói, *đã đến lúc chúng ta cần cả gói chính sách tổng thể đảm bảo sự phát triển bền vững ngành nông nghiệp nói chung, có sản xuất lúa gạo, nhằm hai mục tiêu chiến lược: đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu.*

Do đó, trên tầm vĩ mô cần nhanh chóng có quyết sách đột phá về công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng, tích tụ đất đai nông nghiệp cả nước theo hướng:

- Hạn chế tối đa lấy đất nông nghiệp trồng lúa và cây lương thực cho mục đích công nghiệp và đô thị hoá. Nếu lấy phải tính tới chi phí cơ hội giữa đất lúa, đất đồi gò và đất hoang hoá cho phát triển công nghiệp – dịch vụ. Nghiên cứu ban hành sắc thuế đánh vào việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp đủ mạnh để ngăn chặn lấy đất lúa làm công nghiệp và đô thị hoá quá dễ dãi như hiện nay.

- Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp ở quy mô tương đối lớn, ví dụ, hàng chục, hàng trăm ha, phải do Quốc hội và các cấp tối cao quyết định cho phép (như Trung Quốc). Xây dựng, ban hành và giám sát chặt thực hiện quy hoạch sử dụng đất đai nông nghiệp trên cả nước một cách căn cơ, ổn định lâu dài. Muốn vậy, công tác quy hoạch phải có căn cứ khoa học và thực tiễn, có quan điểm toàn diện & tầm nhìn xa: a) Kiên quyết giữ các vùng đất tốt, trước hết là hai vùng ĐB sông Hồng rộng 0,8 triệu ha và ĐB SCL rộng 2,5 triệu ha (nhưng đã bị chia nhỏ). Phải hiểu văn minh lúa nước của người Việt gắn với các đồng bằng trù phú này, nó là văn hoá chứ không chỉ là kinh tế; b) Khi sử dụng chúng vào mục đích kinh tế phải tính tới hệ quả xã hội và môi trường. Nếu giả định làm KCN cũng phải bóc tách giữ lại lớp đất màu trên bề mặt, đất có cấu tượng vốn là kết quả canh tác của nhiều thế hệ, thậm chí hàng ngàn đời mới có được; c) Quy hoạch sử dụng đất từng vùng từng địa phương cũng phải tuân theo nguyên tắc chung, tránh lấy vào vùng trọng điểm lúa và đảm bảo hài hoà về kinh tế - xã hội - môi trường.

Nhưng trên thực tế thì ngay tại vùng ĐB sông Hồng trù phú cũng đang bị xâm phạm: từ 2006-2010, Hà Tây dự kiến đưa diện tích KCN từ 2.200 ha lên 14.757 ha, Bắc Ninh từ 1.062 ha lên 7.000 ha, Vĩnh Phúc từ 761 ha lên 52.000 ha, Hải Dương từ 975 ha lên 6.000 ha. Nếu lấp đầy các KCN với số lượng công nhân 50-100 người/ha thì riêng Bắc Ninh có

thêm lượng công nhân 400-700 ngàn người, tương ứng với dân số đô thị quy mô 1,2-2 triệu người, trong khi dân số của tỉnh hiện mới xấp xỉ 1 triệu người³.

- Quan điểm về chính sách đền bù đất nông nghiệp hiện cũng chưa thấu triệt. Nên hiểu đền bù không đơn giản là một khoản tiền nhất định. Đây là sự triệt tiêu một kế sinh nhai, một phương thức canh tác, cho dù lạc hậu đi nữa. Hơn nữa, nó mà còn thể hiện thái độ, trách nhiệm của xã hội, Chính phủ và DN về các mặt tổ chức kinh tế, xã hội, việc làm và đời sống cho người dân. Bắt buộc có phương án đền bù hợp lý và bố trí công ăn việc làm, đào tạo chuyển đổi nghề cho nông dân. Khuyến khích DN sử dụng lao động tại địa phương, ví dụ, nếu sử dụng từ 100 lao động được hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo nghề.

- Có thể tính tới các phương án đền bù khác nhau: đền bù bằng tiền và trả phí đào tạo nghề, nhận người vào làm tại các DN lấy đất, nông dân góp đất vào DN coi như cổ phần hoặc cho DN thuê đất (như trường hợp Nhà máy Mía đường Lam Sơn và thôn Xuân Hoà - xã Thọ Xuân). Nghiên cứu dành lại quỹ đất cần thiết nhằm chuyển đổi nghề và kinh doanh dịch vụ cho hộ nông dân mất đất; đền bù có phân biệt giữa lấy đất cho an ninh – quốc phòng, công trình công cộng với lấy đất cho sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

- Về nguyên tắc, đền bù thoả đáng và cân bằng giữa các lợi ích Nhà nước – DN – nông dân. Thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa mức đền bù GPMB và mức đấu giá đất làm đô thị – dịch vụ. Giả định mức giá đền bù GPMB khi thu hồi đất là 1; DN sau khi lấy đất, chuyển đổi mục đích sử dụng và xây dựng hạ tầng đem đấu thầu cho các nhà đầu tư thứ cấp với mức giá là 10; Nhà nước sẽ dùng công cụ thuế và phí điều tiết lại thu nhập, ví dụ, theo công thức 3 : 3 : 4, tức nông dân và Nhà nước đều hưởng 3 phần bằng nhau, DN hưởng 4 phần trong toàn bộ mức chênh lệch giá (tổng mức tăng giá).

- Khuyến khích chuyển đổi hay mua bán đất nông nghiệp nhằm tích tụ ruộng đất, mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp; cấm mua bán để chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Nới rộng mức hạn điền và thời hạn giao quyền sử dụng đất nông nghiệp lên tới 50-100 năm, bảo hộ kinh doanh nông nghiệp để người dân an tâm đầu tư lâu dài (hiện Nhà nước đã cho các DN trong nước và nước ngoài thuê đất tới 50-100 năm, vậy không có lý do để hạn chế hộ nông dân).

- Trường hợp người dân chuyển sang nghề khác hay không muốn (không có điều kiện) canh tác, có thể sang nhượng hay Nhà nước đứng ra mua và cho thuê lại nhằm duy trì quỹ đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ ruộng đất trong nông thôn.

2. Đột phá trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn

Mặc dù đạt được thành tựu nổi bật trong thời gian qua như: tăng trưởng về diện tích, quy mô, sản lượng, chủng loại các sản phẩm nông nghiệp, thậm chí nhiều nông sản được xuất khẩu sang thị trường các nước với kim ngạch và thị phần lớn. Nhưng về căn bản, cơ cấu nông nghiệp chưa có thay đổi về chất; chủ yếu chúng ta vẫn xuất nông sản dưới dạng

³ Theo PGS.TS Huỳnh đăng Hy, Hội Quy hoạch VN. Báo Hà Nội mới ngày 31/10/2007.

thô hoặc sơ chế, hàm lượng dinh dưỡng thấp, giá trị hàng hoá so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường bị thua thiệt. Giá gạo của ta thường thấp thua với gạo Thái Lan, giá cà phê cũng thấp hơn so với cà phê Braxin.

Đương nhiên, ngoài lý do thương hiệu và kênh phân phối, tiếp thị yếu kém thì có vấn đề trong khâu chọn lọc giống, chủng loại và cải tiến chất lượng, đầu tư cơ giới hoá sản xuất, công nghệ chế biến & bảo quản sau thu hoạch. Kết quả là giá trị nông sản hàng hoá trên một đơn vị diện tích (ha gieo trồng) cũng như năng suất của lao động nông nghiệp nước ta rất thấp. So sánh, ở các nước 1 lao động nông nghiệp có thể cung cấp nông phẩm cho 6-7-8 thậm chí 20-30-40 người phi nông nghiệp; Mỹ chỉ có chưa tới 2% dân cư nông nghiệp trên tổng dân số 240 triệu người; Hà Lan có 4 triệu ha đất nông nghiệp nhưng xuất khẩu nông phẩm tới 17 tỷ USD/năm, đạt bình quân giá trị xuất khẩu 4 triệu USD/ha đất canh tác. Còn ở chúng ta, mỗi lao động nông nghiệp chỉ cung cấp nông phẩm cho 2-3 người và đang phấn đấu xây dựng cánh đồng 30-50 triệu đồng. Nếu nhìn từ chiều cạnh khác, có thể thấy chúng ta đang khai thác phí phạm và thiếu trách nhiệm, thiếu bền vững những nguồn tài nguyên tự nhiên quý giá và không thể tái tạo cho mai sau.

Do đó, *tất yếu phải chuyển dịch cơ cấu theo hướng xây dựng nông nghiệp công nghệ cao, giá trị cao (NNCNC, GTC)*, xu hướng của thế giới ngày nay. Để làm điều đó, cần chú trọng đầu tư nghiên cứu và khuyến khích chuyển giao, sử dụng các kết quả KHCN trong nông nghiệp, nhất là công nghệ cao và công nghệ sinh học. Nói công bằng, trong suốt mấy chục năm qua, nền nông nghiệp nước ta phát triển theo mô thức truyền thống, dựa chủ yếu vào hai yếu tố chính sách và thể chế (khoán 10 và HTX nông nghiệp), còn KHCN chưa thực sự trở thành động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng. Nhưng thời kỳ đó qua rồi, nếu không kịp thời gắn đổi mới cơ chế chính sách và thể chế với tiến bộ KHCN trong nông nghiệp sẽ triệt tiêu phát triển. Hoặc là chính chúng ta sẽ tự trói buộc mình trong những giới hạn chật hẹp và đánh mất khả năng cạnh tranh trước các đối thủ tiềm tàng.

CNH, HĐH hoá nông nghiệp không nên hiểu chỉ là áp dụng các tiến bộ của CNTT, tự động hoá... vào chăn nuôi, trồng trọt; hơn thế, còn là thay đổi bản thân quy trình và công nghệ, quy luật sinh học, tạo ra các giống cây con ngắn ngày, cho năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu thời tiết khắc nghiệt và kháng bệnh. Như vậy, một nền nông nghiệp công nghệ cao (CNC) cũng đồng nghĩa với giá trị cao (GTC); đảm bảo sức cạnh tranh, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững. Nếu không áp dụng CNC thì không thể có những cánh đồng cà chua, rau sạch nuôi trồng thậm chí không cần đất, cho năng suất 300-400 tấn/ha/năm. Nền NNCNC, GTC được đánh giá không thua kém so với nền công nghiệp công nghệ cao. Các nước Đài Loan, Israel, Đức, Nhật Bản là những thí dụ về NNCNC, GTC.

Để phát triển nền NNCNC, GTC, trước tiên chúng ta cần tập trung giải quyết các khâu vốn và thị trường đầu ra. Đương nhiên, quy mô kinh tế hộ không có khả năng giải quyết những vấn đề này, mà chỉ có thể là những DN hay tổ chức kinh tế có tiềm lực. Thứ nữa, cần lựa chọn bước đi và loại hình CNC cho phù hợp với điều kiện của ta. Cuối cùng, cần có chính sách đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng tốt đội ngũ các nhà khoa học trong lĩnh

vực CNC. Về vốn, cần gia tăng đầu tư và đầu tư “đủ độ” cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KHCN trong nông nghiệp.

Một trong những hướng KHCN cần tập trung là ưu tiên phát triển ngành công nghệ sinh học. Chúng ta sẵn có những nguyên liệu quý như mía, sắn, ngô, khoai... dùng cho công nghệ sinh học; thậm chí những chất xơ tương như bỏ đi (cellulose) như rơm rạ, lau sậy, mùn cưa... được đường hoá nhờ vi sinh vật để tạo ra cồn nhằm thay thế cho các dạng năng lượng dầu mỏ, than đá, khí đốt đã cạn kiệt. Các nông sản làm ra không chỉ thoả mãn nhu cầu về lương thực, thực phẩm. Rất nhiều sản phẩm giàu đường và tinh bột có thể còn được dùng làm nguyên liệu cho một ngành công nghiệp đem lại lợi nhuận cao; đó là sản xuất các sản phẩm mới của công nghệ sinh học, các sản phẩm phục vụ công nghiệp dược, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp dầu khí, công nghiệp môi trường. Ví dụ, từ bột sắn chế biến thành tinh bột biến tính như cồn khô, lớp thấm hút trong tã lót trẻ em...; Công ty Vevan đã xây dựng nhà máy sản xuất axit amin vào loại lớn nhất thế giới tại Đồng Nai, giúp cho nông dân trồng sắn năng suất cao và tận thu nguyên liệu sắn với giá cả cao⁴.

Vấn đề nghiên cứu, phát triển cơ giới hoá khâu canh tác, công nghệ chế biến sau thu hoạch nhằm giảm nhẹ lao động nặng và nâng cao năng suất, gia tăng hàm lượng dinh dưỡng và giá trị hàng hoá, để bảo quản sản phẩm lâu dài cũng cần được quan tâm. Trong khi ta có nhiều bột cá, đậu tương, ngô hạt... nhưng vẫn phải nhập khẩu làm thức ăn chăn nuôi; nhiều nông sản vốn là thế mạnh của ta nhưng khi xuất khẩu bị ép giá hoặc trả lại vì không đạt yêu cầu. Phải chăng vì công nghệ chế biến yếu nên giá thành cao, quy cách và chất lượng sản phẩm chưa đồng đều, chưa đảm bảo sạch? Gần đây, một số nông dân các địa phương tự phát mày mò, sáng chế ra máy lựa đậu, cà phê, tuốt ngô, lúa, gieo hạt, thu hoạch mùa màng... cũng nói lên nhu cầu CNH nông nghiệp từ cuộc sống đã chín muồi, bức xúc đến nhường nào. Vấn đề chỉ còn thiếu một chính sách, chủ trương sát hợp và cơ chế cụ thể cho sự kết hợp lợi ích giữa các “nhà”: nhà nông - nhà khoa học - nhà đầu tư.

Trước mắt, cần khẩn trương nghiên cứu, chọn lọc và hoàn thiện *Bộ giống chuẩn quốc gia về các cây lương thực chủ yếu*. Thật vô lý khi Việt Nam là nhà xuất khẩu gạo lớn nhưng vẫn phụ thuộc giống vào bên ngoài: miền Bắc vào Trung Quốc và miền Nam vào Thái Lan. Theo các chuyên gia, trong tình hình thế giới khủng hoảng lương thực kéo dài, chúng ta nên tập trung vào nghiên cứu, phát triển các giống lúa cao sản, ngắn ngày, chịu được hạn hán thiên tai và kháng dầy... để cạnh tranh về số lượng và giá rẻ với gạo Thái Lan chất lượng cao nhưng năng suất thấp, giá thành đắt⁵. Ngoài lúa, cũng cần hoàn thiện bộ giống các cây lương thực, thực phẩm khác phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Ở đây, việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hoá các kết quả nghiên cứu, phát minh về giống cũng như trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung, hình thành và phát triển thị trường KHCN sẽ có tác dụng đòn bẩy mạnh mẽ trên các phương diện: gắn KHCN với sản xuất, thúc đẩy KHCN và CDCC nông nghiệp. Trường hợp nhà nông học Nguyễn

⁴ Nguyễn Lân Dũng: Tạp chí Hồn Việt, thứ ba, 6/5/2008.

⁵ Võ Tông Xuân: Hạn chế xuất khẩu gạo, nông dân thiệt. Vietnamnet. Ngày 4/4/2008.

Thị Trâm chuyên theo đuổi nghiên cứu và phát minh các dòng lúa lai chất lượng cao cho nền nông nghiệp nước nhà là ví dụ sinh động*.

Chuyển dịch cơ cấu (CDCC) nông nghiệp sẽ là chưa đủ nếu không gắn với CDCC lao động – việc làm nông thôn. Hiện Việt Nam CDCC nông nghiệp tuy có tiến bộ, giá trị nông nghiệp so với GDP cả nền kinh tế từ 26,62% năm 1995 xuống 20,4% năm 2006; nhưng CDCC lao động lại hết sức chậm chễ, có tới hơn 70% dân số làm nông nghiệp và 78% dân số vẫn sống dựa vào nghề nông⁶. Nói trên ý nghĩa nào đó, nền văn minh lúa nước và nông nghiệp vẫn phủ bóng dài và là cứu cánh, khiến cho phát triển các ngành nghề và dịch vụ chưa trở thành một tất yếu sâu sắc. Mặt khác, việc dân cư tập trung trong nông nghiệp đang tạo bức xúc về mặt xã hội, nếu không xử lý thì đến lúc nào đó sẽ gây bùng phát mất ổn định. Nó cũng đồng nghĩa miếng bánh nông nghiệp phải chia nhỏ ra cho nhiều người hay tình trạng thiếu việc làm, thu nhập thấp và nghèo khổ trong nông thôn.

Vì vậy, trách nhiệm của Nhà nước, nhà hoạch định chính sách là phải có chiến lược xử lý chủ động, tích cực vấn đề chuyển dịch cơ cấu lao động – việc làm trong nông thôn. Có các kịch bản khác nhau: chuyển dịch tuyệt đối - đưa nông dân vào làm công nghiệp, dịch vụ ở thành thị hoặc đi xuất khẩu lao động nước ngoài, xuất khẩu lao động trong nước (gia công và làm cho doanh nghiệp FDI); chuyển dịch tương đối – ly nông bất ly hương: mở ra ngành nghề dịch vụ kết hợp ngay trong nông thôn. Với bối cảnh mở cửa hiện nay, Việt Nam có thể và cần kết hợp cả bốn kịch bản sao cho hài hoà, uyển chuyển, đạt được hiệu quả kinh tế – xã hội cao nhất. Nhưng cần chuẩn bị tốt các điều kiện và phối hợp các hoạt động liên ngành, xã hội hoá công tác chuyển dịch này: đào tạo và chuẩn bị tốt tri thức, nghề nghiệp cho thế hệ trẻ nông thôn để đón bắt cơ hội việc làm; đàm phán và thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu lao động để bảo vệ lợi ích người lao động; khuyến khích phát triển công nghiệp – dịch vụ theo cả hai hướng: sử dụng công nghệ cao và sử dụng công nghệ vừa, công nghệ sử dụng nhiều lao động; phát triển các trung tâm, KCN lớn kết hợp với mở mang các KCN nhỏ và vừa, các DNNVV tại vùng đông dân cư nhằm thu hút sử dụng nhiều lao động nông thôn.

Đặc biệt, có cơ chế thông thoáng về thủ tục hành chính (chuyển đổi, tách, sát nhập, quản lý hộ khẩu và cấp CMT); cơ chế sang nhượng, cho thuê, chuyển đổi, tích tụ ruộng đất, kể cả góp đất hoặc Nhà nước đứng ra mua lại QSD đất. Nhiều trường hợp, nông dân không thể ra đi chỉ vì giàng buộc vào mảnh ruộng không biết xử lý thế nào: bỏ thì thương, vương thì tội! Như thế, hình thành một thị trường lao động và đất đai được quản lý chặt chẽ, linh

* PGS.TS Nguyễn Thị Trâm nguyên là cán bộ giảng dạy Trường đại học Nông nghiệp I hiện nghỉ hưu, đã gặt hái được nhiều thành công trong nghiên cứu chuyển giao các dòng lúa lai năng suất cao, phẩm chất tốt được nông dân ưa chuộng: trước đây, như giống lúa NN-9, NN-10, NN-23, NN-75-6, DH60, nếp thơm 44, 256; sau đó, lúa lai hai dòng mới như TH-3-4, TH3-5, TH3-11, TH5-1, TH6-3, TH2-3. Gần đây bà đã cho ra đời giống lúa lai hai dòng 100% “made in VN” TH3-3 và chuyển nhượng cho Công ty TNHH Cường Tân (Nam Định) với mức giá kỷ lục 10 tỷ đồng. Nhưng trước khi đưa ra chuyển nhượng, để ở nhà thì mỗi năm bà cũng thu về hàng tỷ đồng nhờ bán giống. TH3-3 là giống lúa lai cho NS cao 6-8 tấn/ha với thời gian sinh trưởng ngắn 105-125 ngày, chịu được mọi loại đất trên mọi địa hình, chống chịu sâu bệnh, chất lượng gạo trắng thơm ngon dẻo.

⁶ Nguyễn Văn Bộ: VN chưa CDCC lao động. Vietnamnet. Ngày 11/12/2007.

hoạt sẽ thúc đẩy phân công, CDCC lao động nói chung, cũng như CDCC lao động nông thôn nói riêng.

3. Đột phá về thị trường và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá nông sản; hoàn thiện tổ chức các thể chế lưu thông, nhất là đối với lưu thông lúa gạo

Ra nhập WTO, thách thức lớn nhất của hàng hoá nông sản Việt Nam là bị tác động mạnh của các cuộc thương lượng mậu dịch mang tầm quốc tế (như vòng đàm phán Uruguay, Đôha), phải cạnh tranh quyết liệt với các sản phẩm tương tự của các nước thành viên WTO trên cả thị trường trong và ngoài nước. Theo cam kết, mức thuế đối với sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sẽ là 21% và giảm dần trong 3-7 năm. Quan trọng hơn, sản phẩm của VN bắt buộc phải có chứng chỉ an toàn vệ sinh, điều rất khó khăn cho các nhà sản xuất VN vốn xưa nay quen làm theo kiểu truyền thống. Phương thức canh tác nông nghiệp lạc hậu, năng suất thấp & chi phí cao, chất lượng và quy cách sản phẩm không đồng đều, công nghiệp chế biến chưa phát triển, lại chưa được chuẩn bị kỹ về thương hiệu và quảng bá tiếp thị... cũng là những khó khăn cho sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam. Bên cạnh, việc thiếu kênh thông tin về các đối tác và thị trường khiến nhiều nhà XK nông sản Việt Nam bị loại ngay từ đầu, làm cho cánh cửa XK nông sản càng thu hẹp.

Trên thực tế sau 1 năm gia nhập WTO, hàng nông sản VN vẫn duy trì được thị phần; hơn nữa, ngoài các thị trường truyền thống như Trung Quốc, ASEAN, Nga, Đông Âu, chúng ta còn thâm nhập được vào các thị trường mới khó tính như EU, Nhật Bản, Mỹ... Tính vào thời điểm tháng 11/2007, kim ngạch XK gạo tăng 15% so với cùng kỳ, thủy sản tăng 11,9%, cà phê tăng 35,6%, rau quả tăng 14,9%. Bên cạnh, nhiều mặt hàng nông sản Việt Nam còn được lợi bởi mức giá cao, lần đầu tiên giá gạo XK của ta bằng hoặc thậm chí vượt giá gạo Thái Lan⁷. Năm 2007 chúng ta có 5 mặt hàng nông sản XK đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD: thủy sản 3,8 tỷ USD, gỗ 2,4 tỷ USD, cà phê 1,86 tỷ USD, gạo 1,46 tỷ USD, cao su 1,4 tỷ USD⁸.

Theo dự báo, thị trường XK hàng nông sản Việt Nam còn có thể mở rộng và tăng kim ngạch XK. Với thị trường Trung Quốc kim ngạch XK nông sản sẽ tăng từ 400-500 triệu USD/năm hiện nay lên 700-800 triệu USD/năm, gồm các mặt hàng chủ yếu là cao su, hạt điều, tinh bột sắn; với thị trường Mỹ hiện kim ngạch XK nông lâm sản của ta mới chiếm 0,4-0,5% thị phần, đây thực sự là con số rất khiêm tốn so với tiềm năng; với thị trường ASEAN kim ngạch XK nông sản dao động lớn từ 400-900 triệu USD/năm với mặt hàng chủ yếu gạo, chúng ta còn có thể xuất khẩu cà phê, vật tư, thiết bị công nghiệp chế biến sang khu vực này.

Chúng ta phải nhanh chóng khắc phục những hạn chế của XK hàng nông sản: cải tiến chất lượng và tăng sức cạnh tranh; hoàn thiện kênh thông tin và nội dung thông tin; làm tốt công tác xây dựng thương hiệu và quảng bá tiếp thị; nuôi dưỡng và mở rộng thị trường,

⁷ Vụ Thương mại Dịch vụ, Bộ Kế hoạch Đầu tư: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thương mại – dịch vụ 11 tháng năm 2007.

⁸ Hội nghị tổng kết kế hoạch năm 2007 triển khai công tác năm 2008 của ngành nông nghiệp tại Hà Nội, 7/1/2008.

củng cố thị trường truyền thống, đặc biệt cần đột phá mạnh vào các thị trường lớn và có tiềm năng như EU, Úc, Nhật Bản, Mỹ, Châu Phi. Trách nhiệm này không thể phó thác cho DN - những nhà sản xuất, chế biến riêng lẻ, mà là trách nhiệm chung và cần phối hợp hoạt động hiệu quả của toàn bộ hệ thống XNK, các hiệp hội, ngành hàng, trước tiên là trọng trách đặt lên vai Nhà nước, các Bộ chuyên ngành và cơ quan hoạch định chiến lược quốc gia. Các tổ chức, DN cũng như cơ quan Chính phủ cần hoạt động tích cực và chuyên nghiệp, phối hợp nhịp nhàng.

Đặc biệt, những cú sốc giá lúa gạo và hàng hoá gần đây cho thấy hệ thống các thể chế điều hành vĩ mô và thể chế thương mại cần thiết của chúng ta còn rất yếu và thiếu, chưa bắt kịp với yêu cầu của hội nhập và thị trường hiện đại. Có tình hình: phản ứng chính sách thiếu nhạy bén và chậm chạp, lạc hậu trước diễn biến thị trường, ngay cả thị trường trong nước; không điều hành thống nhất được kênh thu mua phân phối, thậm chí bỏ trống cho tư thương lũng đoạn, ép giá hay nâng giá tùy tiện; chúng ta yếu thế và thiếu kinh nghiệm trong đàm phán với đối tác nước ngoài nên ký hợp đồng với những điều kiện bất lợi; trong khi nông dân và người sản xuất là “gốc” lại không được đảm bảo lợi ích và phải chịu rủi ro.

Đơn cử, lạm phát và chỉ số CPI tăng cao như thời gian qua đã tác động mạnh tới hộ nông dân nghèo, thu nhập thấp, đối tượng chịu thiệt nhiều nhất bởi: nhóm hàng lương thực – thực phẩm tăng khá cao chiếm tới 70% trong cơ cấu tiêu dùng của hộ gia đình nghèo; mặt khác, tốc độ tăng giá các sản phẩm đầu ra bình quân 20-30% thì giá cả vật tư đầu vào của sản xuất nông nghiệp (như phân bón, thuốc trừ sâu, điện, xăng dầu, thức ăn chăn nuôi...) lại tăng cao hơn nhiều (bình quân 40-50%). Trong khi giá gạo xuất khẩu là 1000 USD/tấn thì đáng lẽ giá lúa thu mua tối thiểu cũng phải là 8000 đ/kg, nhưng thực tế giá mua tại ĐBSCL chỉ là 5400 đ/kg, phần thua thiệt rõ ràng thuộc về người nông dân và phần lợi nhuận chủ yếu rơi vào tay thương lái (các chủ vựa lúa). Hoặc người trồng cà phê chỉ được hưởng 1,5 USD trong tổng giá trị sản phẩm cà phê xuất khẩu trên thị trường thế giới 10 USD. Như vậy, người nông dân chịu thiệt đơn thiệt kép, không thể phát triển bền vững ngành hàng nông sản.

Từ đây, cần xây dựng và hoàn thiện các thể chế điều hành vĩ mô và tổ chức tốt các thể chế lưu thông thị trường để điều tiết hoạt động XNK thông suốt. Trong ngành hàng lúa gạo, chí ít cần kiện toàn các tổ chức và thể chế cơ bản sau đây: a) Hộ nông dân trồng lúa; b) Các kênh đại lý thu mua lúa gạo; c) HTX hay Hiệp hội những người sản xuất lúa gạo; d) Nhà nước và cơ quan quản lý điều hành XNK lúa gạo. Các tổ chức này tương tác và chế ước lẫn nhau, mà Nhà nước là trung tâm (đề ra luật chơi và điều hành, kiểm tra, giám sát). Trong bối cảnh giá gạo tăng cao, nhiều ý kiến cho rằng Nhà nước nên chuyển việc điều tiết bằng hạn ngạch hiện nay sang điều tiết bằng thuế XNK, sẽ có lợi cho người sản xuất và ổn định được thị trường gạo trong nước.

4. Hỗ trợ hiệu quả cho nông dân phù hợp với WTO

Rõ ràng nông dân là người chịu thiệt và yếu thế trong cơ chế thị trường. Điều này còn bởi bản chất thị trường là cạnh tranh, kẻ mạnh sẽ mạnh lên và kẻ yếu càng yếu đi, cuối

cùng kẻ mạnh sẽ thắng kẻ yếu. Bản thân sản xuất nông nghiệp cũng hàm chứa rủi ro cao vì biến động giá cả và thời tiết, đầu tư cho nông nghiệp mang lại lợi nhuận thấp nên ít hấp dẫn. Nhưng sản xuất và sản phẩm nông nghiệp là bắt buộc không thể thiếu đối với xã hội. Tại các nước công nghiệp phát triển người ta vẫn rất cần và có điều kiện tài chính để trợ cấp, bảo hộ mạnh cho ngành nông nghiệp. Sự thật, các nước này luôn dựng lên hàng rào bảo hộ và trợ cấp ở mức cao cho hàng nông sản của mình, điều đó gây khó khăn, thiệt hại cho hàng nông sản của chúng ta khi thâm nhập vào thị trường các nước.

Với chúng ta, vì nghèo và cũng có thể vì chưa nhận thức rõ điều này, nên hỗ trợ cho nông nghiệp và nông dân bị xem nhẹ. Tham gia vào WTO, dự báo lĩnh vực NN&PTNT của chúng ta sẽ chịu nhiều tác động xấu do năng lực cạnh tranh và trình độ sản xuất thấp như đã nêu trên. Đã qua 1 năm mặc dù nông nghiệp vẫn trụ được trước áp lực WTO, nhưng về lâu dài thì nông nghiệp VN phát triển không bền vững, nông dân sẽ đuối sức trước dòng xoáy hội nhập. Nhà nước cần có chương trình và lộ trình hỗ trợ cho nông nghiệp và nông dân, để họ không chỉ chống chọi được mà còn mạnh dần lên, thích ứng với những điều kiện, môi trường cạnh tranh mới toàn cầu.

Đương nhiên, hỗ trợ cần đúng nguyên tắc của WTO (tức nằm trong hộp xanh và hộp vàng). Theo WTO cho phép trợ cấp cho nông nghiệp (trừ trợ cấp xuất khẩu) có thể lên đến 10% GDP của ngành, thì chúng ta có thể dành khoản tiền không nhỏ 1,2 tỷ USD (so với 12 tỷ USD giá trị hàng nông sản) + 4000 tỷ đồng (từ ngân sách) = 20.000 tỷ đồng hỗ trợ cho nông nghiệp⁹. Hiện chúng ta hỗ trợ cho nông nghiệp còn quá ít, không đáng kể, chưa tạo ra được bước đột phá mạnh trong phát triển nông thôn. Dường như chúng ta rơi vào thái cực: thay vì lo tìm nguồn lực hỗ trợ chuyển sang lo rằng WTO cấm không được hỗ trợ. Thật ra, WTO không cấm hỗ trợ nói chung, chỉ cấm những trợ cấp bóp méo giá cả và thị trường; chỉ khi nào hàng XK ra thị trường nước ngoài gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành tương tự của nước nhập khẩu, các sản phẩm hưởng trợ cấp này mới bị áp thuế đối kháng. Phạm vi, khả năng hỗ trợ còn rất lớn. Căn bản là phải xác định đúng trọng điểm cần hỗ trợ, hỗ trợ đủ liều lượng và sử dụng hỗ trợ hiệu quả. Nên xã hội hoá và đa dạng hoá các nguồn lực hỗ trợ; có kiểm tra, giám sát chặt chẽ xít xao, đảm bảo hỗ trợ đến đúng đối tượng, nhất là có nghiệm thu, tiếp nhận từ chính người được thụ hưởng (nông dân và các địa phương).

Nên tập trung hỗ trợ cho phát triển hạ tầng kỹ thuật và thủy lợi, mở mang đường xá giao thông nông thôn; đào tạo và nâng cao dân trí, chuyển dịch lao động nông thôn; nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KH-CN (giống mới, kỹ thuật và công cụ mới, phương pháp canh tác mới); trợ cấp cho điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp; trợ cấp chi trả cho các chương trình môi trường để hỗ trợ cho vùng khó khăn, chi trả trực tiếp cho người sản xuất, trợ cấp chi phí tiếp thị, vận chuyển trong nước và quốc tế...Hỗ trợ để thu hẹp khoảng cách thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị thông qua các chương trình “điện đường trường trạm”...cũng cần được chú ý; hiện khoảng cách này ở nước ta đang có xu hướng gia tăng (xấp xỉ 2,6 lần so với Trung Quốc 3,6 lần).

⁹ Trả lời phỏng vấn trực tuyến của nguyên Bộ trưởng Trương Đình Tuyển: Vnamnet. Ngày 16/1/2008.

Ngoài ra, hỗ trợ của Nhà nước cần xác định là chất xúc tác để kích thích và phát huy hiệu quả các khoản đầu tư của các thành phần kinh tế vào nông nghiệp. Mặc dù nông nghiệp hiện còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế quốc dân và chiếm đa số dân cư, nhưng đầu tư của Nhà nước vào ngành này mới chiếm 14% tổng đầu tư Ngân sách. Đầu tư của DN FDI cũng còn khiêm tốn ở mức 10,6 % các dự án FDI và 6,5% tổng vốn đăng ký; hơn nữa, chủ yếu là các nhà đầu tư đến từ châu Á, trong khi các cường quốc nông nghiệp như Mỹ, Úc, Canada... vẫn vắng bóng¹⁰. Đầu tư cho KH-CN ở ta còn quá thấp, chỉ chiếm 0,13% GDP của ngành, trong khi ở các nước là 4%¹¹. Nếu phần đầu cải thiện nâng dần tỷ lệ đầu tư này lên chỉ ít gấp rưỡi, gấp đôi sẽ rất có ý nghĩa với sự nghiệp phát triển nông nghiệp & nông thôn.

¹⁰ Theo Vụ Kế hoạch, Bộ NN&PTNT. VietNamnet, ngày 22/12/2007.

¹¹ Theo Báo cáo Phát triển của WB, năm 2007.

FOUR MAJOR BREAKTHROUGHS IN VIETNAM'S POLICY OF AGRICULTURE, RURAL AREA AND FARMERS

Nguyen Chi My, Hoang Xuan Nghia

Institute for Hanoi Socio-economic Development Studies.

The experience lessons drawn from 20 years of Renovation (Doi Moi) have showed that: first, the innovations and breakthroughs in the policies of

Vietnam largely started in agriculture; second, for escaping from poverty, there is no other way but to start from agriculture and rural areas; third, the Vietnamese farmers – the direct subjects in agriculture - must be protected and must enjoy the benefits from development, rather than to be the objects that live on charities. Based on this approach, this paper addresses some of the breakthroughs in Vietnam's policy of agriculture, rural area and farmers in the current period.

The achievements gained by the Vietnamese agriculture in the renovation period are very impressive: from the state of chronic hunger and food crisis in the late 1970s and 1980s, Vietnam became a country that could supply enough food and moreover the second largest rice exporter country, and the leading exporter of many tropical agricultural products (such as coffee, rubber, pepper, cashew nuts...); and recently aquatic products. These achievements were the result of the policy that granted business autonomy right to the farmers (starting from Contract 10) so that they could get access to land and other natural resources, such as forests, sea, water surface – the essential factors of agricultural production. In addition, the policy of trade liberalization and investment, especially the strong investment in irrigation did create initial push for development of commodity agriculture.

However, basically, the development of Vietnamese agriculture remains to be unstable, small-scaled and autarkic, which is of low competitiveness and incapable of meeting the requirements of international economic integration. In addition, the Vietnamese farmers – who are the direct creators of the agricultural achievements¹ – remain to be the most vulnerable who enjoy the least achievements of development; the gap between rural and urban area remain to be widened; the social and environmental problems in rural area

¹ Vietnamese farmers accounted for over 73% of total population, who every year create about 39-40 million tons of food, 35 million tons of which are paddy, and 3.5 – 4 million tons of rice are exported, contributing 20% to GDP.

become more acute than ever. It is not to mention that since Vietnam has joined the WTO, the Vietnamese farmers, along with the opportunities, have to face with a fierce competitions in the globe.

This is partly because the renovation policies in agriculture and rural area are not strong “enough” or not suitable to the new stage. The individual/ personal benefits created by household contract are not enough to replace the strength of science and technology, as well as the role of organization and coordination of production factors, together with business-marketing activity in a competitive environment which is mainly based on quality, efficiency and environmental-friendliness. So, an urgent requirement today is to quickly shift from an agriculture of low level to that of high level, meaning the same with the shift from a country of low development to a market-based industrialized economy, from a low-income country to a mid and high-income country. This requires strong breakthroughs in the policy in order to solve the contradictions and overcome the barriers to development, bringing the traditional agriculture to modern market and commodity agriculture; implementing agricultural and rural industrialization and modernization, building an agriculture of high value through the common application of scientific and technological achievements and sustainable development.

1. Creating a breakthrough in the work of planning, management, utilization and accumulation of agricultural land

First, land is the fundamental and irreplaceable material for production in agriculture in particular and business activity in general. The previous “Contract 10” had broken through a very essential point – granting stable and long-term land-use rights to farmers (within the duration of around 20-30 years or 50 years). However, one could see that this “land-use right” towards small and tattered land lots of the farmers was not an adequate right, which now becomes weaker in the wake of market and integration. In the meantime, the work of planning, management and utilization of agricultural land is emerging as an acute and difficult-to-solve problem. Many scientists, managers and Congressmen have expressed their views on the forum as a “hot” issue; people of the urbanized areas who lost their cultivated land have become worried; and there have recorded many complaints and suitcases on land – the detonator to socio-political instabilities.

One paradox is: while the process of urbanization has become stronger and stronger, the issue of land lost and jobless farmers has become more acute. According to official statistics, within 5 years (2001-2005) only, about 366.44 thousand hectares of agricultural land (accounting for 3.89% of total in-use agricultural land resource) were withdrawn. Of these, the withdrawn land for building industrial zones was 39.56 thousand hectares, for building urban quarters was 70.32 thousand hectares, and for infrastructure building was 136.17 thousand hectares. Provinces that have had the largest area of land withdrawal were, among them, Tien Giang (16,627 hectares); Dong Nai (19,752 hectares), Binh Duong (16,627 hectares), Quang Nam (11,828 hectares), Ca Mau (13,242 hectares), Hanoi (7,776 hectares), Ha Tinh (6,391 hectares) and Vinh Phuc (5,573 hectares). By region, the Red

river delta was the one that had the largest area of withdrawn land (4.4% of total area), then the Southeastern region (2.1%), and other regions (below 0.5% each)¹.

Though the ratios of land withdrawal in the provinces were not very high, they concentrated in the thickly-populated localities. Some villages even lost up to 80% of their total cultivated land area. Noteworthy is that most of the withdrawn land areas were those of the road-side land, which were fertile and two-crop ones. In the 2000-2005 period, the total paddy cultivated land area went down from 4.47 to 4.13 million hectares (that is, down by 50,000 hectares land per year on average). There were land areas, after being withdrawn, left unused for many years (frozen plans); there were land areas for building golf courses (some thousand hectares); there were land areas for building industrial zones, or resorts... (this phenomenon was called permanently concretized agricultural land). These were the consequences of the inconsideration and lack of long-term vision, threatening the country's socio-political stability.

At present, there are over 10 million rural households in Vietnam, with about 70 million land-fields (from 3-8 fields per household, on average)². Under such a small and tattered land size, the Vietnamese farmers can afford their food only and can only implement small-scale and simple reproduction; and the capacity to apply scientific and technological achievements, intensive cultivation and increase productivity towards commodity economy development is very limited. In addition, for the Vietnamese farmers, which plants should be grown or which animals should be bred still depend on their traditions and habits, or develops in a spontaneous manner. For example, once they saw that coffee, sugarcane, basa fish or tiger prawns... were of high prices, they rushed to destroy woods for growing coffee, sugarcane, and dredge ponds and lakes for breeding prawns. Then after some crops, when the market changed, prices went down, they destroyed them all and turned back to their traditional cultivation. This phenomenon has been called "circle restructuring", which lacked careful planning and sustainability, causing environmental damage and waste of resources.

Though Vietnam is now the second largest rice exporter in the world, many issues need to be discussed: besides the need of ensuring high-quality rice and market penetration, the sustaining of enough rice for export and stable paddy cultivated land areas is an issue worth addressing. The problem of food security is being threatened by many factors, including the reduced rice fields, the increased population growth (estimated to be 100 million people by the year 2020), and the increased demand for grains (Vietnam even has had to import materials for animal food); and finally the peasants themselves are not enthusiastic with their fields and with rice production, because of very low income, while they can get better income in the urban areas and/or from other more attractive jobs. That the farmers in the Mekong river delta sent letters of claim to Vietnam Prime Minister and

¹ Results of a survey conducted by Ministry of Agriculture and Rural Development on 16 provinces of Vietnam.

² The average cultivated land per person of Vietnam is among the lowest in the world: 0.12 hectare per person, which is only higher than that of Korea, Bangladesh and Egypt (while that of Thailand is 0.3 hectare/person).

the farmers of Thai Binh province left their fields uncultivated become more common phenomena. The spur-of-the-moment migration to urban areas and the lack of management measures for land accumulation enhancement will lead to womenization of rural areas, rural labour shortage, expensive labour costs, reduction of livestock breeding and subsidiary jobs; shift of agriculture from intensive farming to extensive farming, and reduction of agricultural diversity¹.

According to the forecasts made by Ministry of Agriculture and Rural Development, every year, Vietnam can cultivate paddy on 7.2 million hectares of land area; and the total paddy yield will be 37.75 million tons by 2010, 38.75 million tons in 2010 and 39.63 million tons in 2020. In the same time, the amount of paddy for domestic consumption will increase from 27.6 million tons (2007) to 33.2 million tons (2020); and at the same time the amount of paddy for export is also from 6.34 – 8.3 million tons (equivalent of 3.8 – 4.5 million tons of rice). Despite that the average growth rate of paddy yield was 2.05% in 1997-2000 period, which was equal to 770,000 thousand tons per year, from 2003-2007, the total output of paddy was about 36 million tons, mainly due to reduced rice fields; and the amount of export rice also decreased in the recent years, which was: 5.2 million tons in 2005; 4.65 million tons in 2006; 4.5 million tons in 2007 and 4.5 million tons (estimated) in 2008. Thus, if there are no breakthroughs to be created in paddy productivity as a result of new rice varieties and intensive farming, this is the ceiling level of Vietnam's rice production. Based on this state, the Ministry of Agriculture and Rural Area has suggested the measures for strengthening land management, persisting on preserving about 3.9 million hectares of good rice cultivated land area. However, for ensuring competitive advantage in rice export, there needs to solve two problems: quality and productivity of paddy. These two factors are closely related to the limit and size of paddy production households. It can be said that it is time we needed a comprehensive policy package for ensuring sustainable development of agriculture, achieving two strategic goals of sustaining food security and export.

Therefore, at the macro level, it is necessary to soon have strong breakthrough policy decisions in the work of planning, management, utilization and accumulation of agricultural land in the whole country, towards three following directions:

First, to minimize the shift of agricultural land for paddy and other food plant production for industrial and urbanization purposes. If taking agricultural land for such purposes, it is necessary to calculate the opportunity costs between paddy cultivated land, hill land and bare/unused land for industrial and service development. In addition, it is necessary to consider applying a tax bill on conversion of agricultural land for other purposes, which must be strong enough to prevent the too easy withdrawal of paddy land for industrialization and urbanization, as it is today.

¹ Dao The Anh (2008): Pulling farmers back to the fields, Vietnamnet dated June 6th.

Second, the conversion of agricultural land-use purposes, if large-sized, must be decided by the National Assembly and other high-ranking levels. The building, issuance and supervision of agricultural land planning in the whole country must be taken into consideration towards sustainability. For this target, the work of planning must be based on scientific and practical foundations, and a comprehensive and long-term vision, towards: i) resolutely preserving rich rice fields, especially those in the Red river delta (0.8 million hectares) and in the Mekong river delta (2.5 million hectares, yet they have been fragmented). It is necessary to realize that the wet-rice civilization of the Viet people has for thousand years closely related to these populous and rich deltas, not only the economic purposes alone; ii) In case we use these rice fields for other economic purposes, we must consider the possible arisen social and environmental impacts; iii) the plans of using land of every region or province must follow the common principle towards avoiding the key rice production regions and ensuring harmoniously the socio-economic and environmental benefits.

However, in practice, even the rich Red river delta is being encroached: in 2006-2010, Ha Tay province planned to increase the IZ land areas from 2,200 hectares to 14,757 hectares; Bac Ninh Province from 1,062 hectares to 7,000 hectares; Vinh Phuc province from 761 hectares to 52,000 hectares; and Hai Duong province from 975 hectares to 6,000 hectares. If the industrial zones are filled up with about 50 to 100 persons/ hectare, Bac Ninh province alone will have an additional force of workers of 400-700 thousand persons, equal to an urban area/size of 1.2 – 2 million people, while the population of this province is only approximately 1 million people¹.

Third, the perception of agricultural land compensation policy has been unclear and non-consistent. It should be understood that land compensation is not a certain sum of money. This is also an elimination of a means of subsistence, a cultivation method, though it is simple or backward. In addition, it must reflect the attitude and responsibility of the society, the Government and enterprises in organization of jobs, material and spiritual life for the people. So, there must have suitable plans on land compensation and providing jobs and jobs training for the farmers. Enterprises that recruit local people should be given preferences. For example, if an enterprise recruit about 100 local workers upwards, it can be granted 50% of total costs of jobs training.

Fourth, there should have different plans of land compensation: land compensation can be in cash, for paying jobs training costs, recruiting local people to work in enterprises; and farmers can contribute their land in enterprises as their shares, or enterprises can rent farmers' land (such as the case of Lam Son Sugar Factor and Xuan Hoa commune – Tho Xuan village. It is necessary to consider having land fund for jobs conversion and services business for land-lost farmers; and having different compensations for land withdrawal for

¹ According to Prof. Dr. Huynh Dang Hy, Vietnam Association of Planning, Hanoimoi Newspaper, 31/10/2007.

national defense - security and public facility purposes, with land for production, business and services business.

Fifth, in principle, it is a must to have reasonable compensations and balance of interests among the State – the enterprises – the farmers; reduce the gap of land compensation for land clearance and land auction for urban – services.

Sixth, to encourage conversion or selling/buying agricultural land for land accumulation, expansion of agricultural production; yet not to allow buying and selling land for other purposes. To extend the duration of agricultural land use to 50 – 100 years, protecting agricultural business so that farmers can invest in their land for longer terms (the State has currently granted land use duration of 50-100 years for domestic and foreign enterprises, so there is no reason for restricting land use durations for farmers).

Finally, in case the farmers shift to other occupations or they do not want (do not have conditions) to do cultivation, they can transfer/ lease their land, or the State can buy and then release land, as a way to preserving the agricultural land fund, and enhancing land accumulation in rural areas.

2. Creating a breakthrough in restructuring of agriculture and rural areas

Generally, Vietnam has made outstanding achievements in the recent years, including the growth in land-area, size, output, variety of agricultural products (many of the agricultural products of Vietnam have been exported abroad, with a large quantity and a considerable market share. However, basically, the structure of Vietnamese agriculture has not had many qualitative changes. Vietnam's agricultural products are mainly the raw or semi-processed ones, of low nutritious content and value (compared with products of the same kinds in the market). Vietnam's rice price is often lower than that of Thailand; Vietnam's coffee price is also lower than that of Brazil.

It is certain that beside the reason of poor reputation, trademark, inefficient distribution and marketing, there are problems in the selection of varieties, quality improvement, investment in production mechanization, application of processing and post-harvest technologies... As a consequence, the value of agricultural products per land area (hectare of cultivated land) and the productivity of Vietnamese rural labor are very low. Here is a comparison: One farmer in a foreign country can supply agricultural products for 6 - 7 - 8 , even 20 - 30 - 40 non-agricultural persons; The United States for example has got only about 2% of its total population doing agriculture; The Netherlands has got 4 million hectares of agricultural land, yet this country has an agricultural export turnover of 17 billion USD/year (that is, an export value of 4 million USD/hectare). While in Vietnam, every rural farmer can supply agricultural products for 2-3 persons only; though at present we are striving to build 30-50 million VND fields. The low economic efficiency is quite clear, yet from another dimension, we could see that Vietnam is wasting its valuable and irrecoverable natural land resources.

So, it is a must to change the structure of agriculture towards building a high-tech and high-value agriculture, following the trend of the world today. For this, it is necessary to pay attention to R&D activities and encouraging the transfer and application of scientific and technological achievements in agriculture, especially those of high technologies and biological technologies. To be fair, in some past decades, the Vietnamese agriculture developed under the traditional patterns, largely based on policy and institutional factors (Contract 10 and agricultural cooperatives), while science and technology did not become a strong driving force for growth. That period has gone, however. If we do not timely combine policy - institutional renovations with application of scientific and technological achievements in agriculture, we will ruin our development. Or we will tie ourselves with the narrow limits and will lose our competitiveness in face of potential counterparts.

Industrialization and modernization in agriculture should not be understood as the application of scientific and technological achievements, or automation... in cultivation and livestock breeding, but the changes/innovations in the process of cultivation and biological rules so as to create short-term plants and animals of high productivity and quality... As such, a high-tech agriculture also means a high-value agriculture; ensuring competitiveness, environmental friendliness and sustainable development. If we do not apply high technologies, we will never have safe tomatoes or vegetable fields of 300-400 tons/hectare/year. The high-tech and high-value agriculture is, thus, considered to be no less important than the high-tech industry. Taiwan, Israel, Germany and Japan are the salient examples of high-tech and high-value agriculture.

For developing high-tech and high-value agriculture, first and foremost, Vietnam needs to solve the problems of capital and outlet market. Certainly, economic households alone can not solve these problems but the potential enterprises and economic organizations. In addition, it is necessary to choose the right way and patterns of high technologies suitable with Vietnamese conditions. And last but not least, there needs sound policies on training, fostering and using the force of scientists in the field of high technology. For solving the capital problem, it is a must to enhance investment for R&D activities in agriculture.

One of the directions is to give priority to develop biological technologies. Vietnam has possessed many valuable materials, such as sugarcane, manioc, maize, sweet potatoes... even the cellulose substances like straws, canes, sawdust... that can be used for biological technology. Agricultural products are made not to meet food demands. Many of the products can be used as materials for a high-profit industry that produces new products of the biological technology, products to serve pharmaceutical industry, food industry, petrol industry and environmental industry. For example, Vedan Corporation has built in Dong Nai province one of the largest amino acid production factories in the world, helping the local people to grow manioc of high productivity and buy their manioc at high prices¹.

¹ Nguyen Lan Dung (2008): Hon Viet (Vietnamese Soul) Journal dated June 5th.

Attention should also be paid to consider developing mechanization in cultivation, application of post-harvest technologies so as to reduce heavy work and increase productivity, improve the nutritious content and goods value, and to preserve products in the long term. While fish meal, soya bean, corn... are available in Vietnam, Vietnam has had to import them for livestock breeding; many of the agricultural products that are Vietnam's advantages, yet they were of low export prices or they were even returned because unable to meet customers' requirements. Is that because of the backward processing technologies that led to high prices, uneven quality and cleanness? Recently, that some farmers themselves invented the machines that can select/ screen soya beans and coffee seeds, pull of maize, or scatter seeds... has expressed a mature demand for industrialization in agriculture. What we need here are appropriate policy and direction, and specific mechanism for a sound combination of the interests among the farmers – the scientists – the investors.

In the immediate, it is necessary to conduct studies for selection and improvement of the National System of major food variety suitable with Vietnam's climate and soil condition. It is ridiculous when Vietnam is a large rice exporter in the world, yet it has to depend on foreign variety (China and Thailand). According to experts, in the context of long-lasting food crisis, Vietnam should concentrate on developing short-term yet high-yield rice variety, which can survive in serious droughts, other natural calamities and diseases... so that Vietnamese rice can compete with Thai rice in terms of output and price¹.

Restructuring in agriculture will not be enough if it does not closely associated with restructuring in labour–employment in rural areas. There have recorded positive changes in agricultural structure, yet slow changes in labour structure; there are still more than 70% of total population doing agriculture, and the life of 78% of total population still rely on agriculture². In addition, that the high density of Vietnamese population in agriculture has created acute social problems, which – if not well solved – will cause instabilities. This also means that the agricultural pie must be divided into many pieces for the people who are of low income, poor and underemployed.

So, the State is responsible for having policies and strategies to actively solve the problem of labour – employment restructuring in rural areas. There are some possible scenarios: absolute restructuring – bringing farmers to work in industry and services sectors in urban areas or to work abroad, or doing processing and services in FDI enterprises; relative restructuring – leaving agriculture without leaving home villages: opening services and industries right in rural areas. In the current context, Vietnam can and need to combine all the scenarios in a flexible and harmonious way for achieving the highest socio-economic results. Yet, it is a must to well prepare the conditions for and cooperate with other inter-branch activities in socialization of agricultural restructuring: providing training, knowledge and employment opportunities for young people in rural areas so that they can catch the

¹ Vo Tong Xuan (2008): Reducing rice exports, farmers lost, Vietnamnet, April 4th.

² Nguyen Van Bo (2007): Changes have not yet been made in the structure of labour. Vietnamnet dated December 11th.

opportunities; making deals with and implementing State management for labour export so as to protect workers' interests; encouraging industrial-services development towards both directions: using high technologies, medium labour-intensive technologies; developing large industrial zones and centers in cooperation with expanding small and medium ones, small and medium enterprises in thickly-populated regions for attracting rural labour.

In particular, there should apply open and flexible administrative procedures related to conversion, splitting, emerging, registration management and identity card issuance, suitable mechanisms to transfer, leasing, conversion and accumulation of agricultural land, including land contribution or the State to buy back land-use rights. There were in fact many cases in which farmers could not leave because of land-related troubles. By doing so, a labour market would be established, land resources can be well and flexibly managed, which in turn will promote labour distribution and restructuring in general and restructuring of rural labour in particular.

3. Creating a breakthrough in market: enhancing the competitiveness of agricultural products, improving the organizations, entities and channels of distribution, especially for rice distribution

The largest challenge for Vietnamese agricultural products when Vietnam joined the WTO is that they are strongly impacted by international trade agreements/ negotiations (such as the Uruguay and Doha rounds); they have to fiercely compete with similar products of the other WTO member countries, in both foreign and domestic markets. According to Vietnam's commitments, the tariff rate of Vietnam's export products will be 21%, which will gradually go down within 3-7 years. More important, Vietnam's products must have phytosanitary certificates, which seems to be very difficult for Vietnamese producers who have, for thousand years, done agriculture in traditional ways. In addition, the lack of information about the markets and partners has caused a fact that many of Vietnamese products had been excluded right at the beginning, narrowing the door for export of agricultural products.

In fact, after 1 year of WTO accession, Vietnam's agricultural products continued to sustain its market share. Moreover, besides the traditional markets, including China, ASEAN, Russia, East Europe, Vietnam has been able to penetrate the new and demanding markets such as the EU, Japan and the USA... By November 2007, Vietnam's rice export turnover rose by 15% as against the same period, that of aquatic products up by 11.9%, coffee – up by 35.6%, and vegetables – up by 14.9%. In addition, many of Vietnam's agricultural products gained benefits because of high export prices; for the first time, Vietnam's export rice had the same (even higher) price with Thailand's rice¹. In 2007, Vietnam had 5 agricultural items whose export turnover surpassed the 1-million-USD export turnover/each, including: aquatic products (3.8 billion USD); wooden products (2.4

¹ Department of Trade in Services, Ministry of Planning and Investment: Report on implementation of trade – services plan in 11 early months of 2007.

billion USD); coffee (1.86 billion USD); rice (1.46 billion USD); and rubber (1.4 billion USD)¹.

According to forecasts, Vietnam's market and turnover of agricultural exports can be expanded. For the China market, for example, Vietnam's agricultural exports to this market may increase from 400-500 million USD/year (present) to 700-800 million USD, with the leading export items as rubber, cashew nuts, manioc powder. For the US market, Vietnam's agricultural exports to this market still occupied 0.4-0.5% market share, this is a very small number as compared with the potentiality. For the ASEAN market, Vietnam's exports would be from 400-900 million USD/year, the main items of which is rice.

Vietnam must quickly overcome the barriers of agricultural exports: improving export quality and competitiveness, improving the information channels; and well engaging in building trade-marks and marketing and promotion activities; fostering and expanding markets, consolidating the traditional markets, especially having strong breakthroughs in large and potential markets like the EU, Australia, Japan, the USA and Africa. These responsibilities and tasks can not be given only to enterprises – the individual manufacturers and processors, but to entire import-export system, the associations, the industries, and first and foremost the State, specializing ministries and national strategy planning organizations. The organizations, enterprises and Government as well need to have an active, flexible and professional coordination.

In particular, the recent price fevers pointed out the very weak system of macro-management mechanisms and trade-related institutions, which are unable to catch up with requirements of international integration and modern market.

For example, the high inflation and increased CPI in the recent time have created strong negative impacts on the poor rural households, because: the high prices of the group of food and foodstuff items – which account for 79% of the consumption structure of poor households. In addition, while the growth rate of output products was about 20-30%, that of input ones to serve agricultural production (such as fertilizers, pesticides, electricity, petrol, animal food...) went up much higher (40-50%). While the price of export rice was 1,000 USD/ton, the price paddy should have been 8,000 VND/kg, yet the buying price of paddy in the Mekong river delta was only 5,400 VND/kg. The profit, if available, was largely fallen into the pocket of the merchants (granary owners). Or the coffee growers gained only 1.5 USD out of 10 USD export value in the world market. In short, farmers were the ones who suffered the most and thus, unable to develop the agricultural sector strongly and sustainably.

From this fact, we need to build and improve the macro-management institutions and well organize the market distribution mechanisms for sound implementation of import-export activities. In the paddy and rice sub-sector, there needs to improve the following

¹ 2007 sum-up conference on implementation of 2008 plan of the Agricultural sector in Hanoi, January 7th, 2008.

major organizations and institutions: i) Paddy farming households; ii) paddy and rice purchasing agencies; iii) cooperatives or associations of rice producers; iv) the State and rice import-export management offices. These organizations cooperate and control each other, in which the State is the centre (making the playing rules, managing, supervising and checking...). In context of highly increased rice price, there are opinions that the State should shift from quota-based management to import-export tax management, which will be better for rice producers and help stabilize the domestic rice market.

4. Providing effective support to farmers in accordance with WTO requirements

It is obvious that farmers are the most vulnerable people in the market mechanism. That is because of the competitive nature of the market, where the strong will become stronger while the weak will become weaker. Yet, production and agricultural products are compulsory and indispensable to the society. Even in developed industrial countries, there require strong financial supports for assisting and protecting agriculture. In reality, these countries have built highly protected barriers and provide strong subsidies to their agricultural products, which as a consequence caused many difficulties and losses to agricultural products of countries like Vietnam when entering the foreign markets.

For Vietnam, it seems that we have not paid adequate attention to subsidizing our agriculture and farmers. Entering the WTO, it is forecasted that Vietnam's agriculture and rural development will be badly affected due to poor competitiveness and low-level production, as above-said. Though the Vietnam's agriculture can sustain one year after WTO accession, but for the long run, the Vietnamese agriculture is in danger of unstable development, and the Vietnamese farmers may become worn-out in the whirl of integration. So, the State needs to have specific programs and roadmaps to support agriculture and farmers, so that they can not only confront with but also become stronger, quickly adaptive to the new conditions and global environment.

It is certainly that the subsidies, if provided, must be following WTO rules (that is, they must belong to the green box and yellow box)¹. At present, Vietnam's subsidies to agriculture are very small, unable to create strong breakthroughs in rural development. It seems that we have fallen into an extreme: instead of seeking for supporting sources, we are worrying about what are prohibited by WTO. In fact, the WTO restricts only the subsidies that distort market prices and only when the exports of certain products cause serious losses to similar industry of an import country, they are imposed antagonistic taxes. The size and potentiality of Vietnam's supports to agriculture remain very large; the point is to correctly define the key points, to provide sufficient and effective subsidies. The supporting sources should be socialized and diversified, with strict investigation and control, ensuring supports provided to right persons.

¹ According to WTO rules, agricultural subsidies (except for export subsidies) can reach 10% GDP of the sector and, thus, Vietnam can spend not a small sum of money: 1.2 billion USD (compared with 12 billion USD of agricultural value) + 4,000 billion VND (from State budget) = 20,000 billion VND for subsidizing agriculture. Cited from online interview with ex-Minister of Trade Truong Dinh Tuyen, Vietnamnet dated 16 January 2008.

Attention should be paid to developing technical infrastructure and irrigation, expanding rural roads, providing training courses to improve people's knowledge, making positive changes in the structure of rural labour; conducting studies, R&D activities, and applying scientific and technological achievements (new variety, techniques and new cultivation methods); providing subsidies for restructuring of agricultural production; financing environmental programs for assisting the difficulty-driven regions, supporting the direct producers... Subsidies should also be provided to narrow down the gap of living between the rural and urban areas, which can be done under the programs of "electricity, roads, schools and medical stations". At present, this gap is tended to widen (which is about 2.6 times, compared with 3.6 times of China).

In addition, the State subsidies should be defined as the factors to facilitate and promoting the efficiency of investments made by various economic actors in agriculture. Though agriculture continued to occupy a large ratio in national economic structure, the State's investments into this sector represented only 14% of total National State budget investments. Investments from FDI enterprises in agriculture stayed at a modest rate, about 10.6% of total FDI investment projects and 6.5% of total FDI registered capital. In addition, the foreign investors in agriculture mainly come from Asia, not many from agricultural powers like the USA, Australia and Canada¹. Investments in science and technology to serve agriculture are also very small, accounting for only 0.13% of GDP in this sector, while in other countries, the figure is about 4%². If this ratio was doubled or one and a half higher, it would be very significant for the cause of agricultural and rural development in Vietnam.

¹ Department of Planning, Ministry of Agriculture and Rural Development, Vietnamnet dated 22/12/2007.

² WB (2007): World Development Report.